

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
BỘ MÔN LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Quản trị nhà kho và tồn kho		
Mã học phần:	72SCMN40103	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	242_72SCMN40103_01		
Hình thức thi: Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
☐ Đề thi có sử dụng phần mềm riêng	GV ghi cụ thể tên phần mềm:		
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☒ Có	☐ Không	

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2 trước ngày 17/04/2025.**

Cách thức nộp bài (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

Gợi ý:

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi hoặc upload file bài làm (word, excel)

Thay đổi cách thức nộp bài: Làm bài thi trên giấy, chụp hình upload hệ thống thi.

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman

- Size: 13

- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1_Mã đề (**Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi**).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (**nén lại và đặt mật khẩu file nén**) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 3	Trình bày và phân tích rõ các cách tính toán và dự báo nhu cầu vật tư và ứng dụng trong quản lý tồn kho.	Tự luận	45%	Câu, 1, 2, 3	Câu 1: 3đ, Câu 2: 3đ, Câu 3: 4đ	PI3.1
CLO 5	Thể hiện khả năng tìm kiếm lời giải và phân tích các vấn đề trong kỹ thuật công nghiệp.	Tự luận	45%	Câu 1, 2, 3	Câu 1: 3đ, Câu 2: 3đ, Câu 3: 4đ	PI7.3
CLO 6	Tuân thủ các quy định tại nơi học tập và làm việc, các quy định của pháp luật và các giá trị đạo đức kinh doanh; đồng thời thể hiện được tinh thần trách nhiệm, hoà đồng, đoàn kết; khả năng chịu được áp lực trong công việc; trung thực; có tính kỷ luật trong môi trường học tập và làm việc; có ý thức tự học suốt đời.	Tự luận	10%	Câu 1, 2, 3		PI10.1

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

Câu hỏi 1: (6 điểm)

The VLU1 Bookstore sells 300 notebooks per every 2 months. Each notebook costs \$0.50, while the fixed cost to restock the shelves amounts to \$4.00. The carrying charge of one notebook tied in the inventory is 8% percent.

- Calculate the EOQ.
- Calculate the total relevant cost associated with the EOQ calculated in the previous part.
- Calculate time between order.
- Calculate the best order quantity now considering a 40% discount on orders greater than 1000 notebooks.

Câu hỏi 2: (4 điểm)

A store that sells wooden furniture results their wood needs over the weeks as shown in the table below. Know that each import will cost about \$260 and take 2 weeks for the product to arrive. Because of the nature of the furniture, the product when stored will cost \$80 per product. If the store's annual demand is 3000 products and there are 63 products left in stock, use the 'balancing time technique' method to calculate the total cost of inventory.

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Gross Requirement	25	38	55	106	153	187	76	52	82	22
Scheduled Receipts										
On-hand Inventory										
Net Requirement										
Planned order receipts										

Planned order release										
--------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Tự luận			
Câu 1		3.0	
	Summary: D = 300 per 2 months I = 20% S = \$4 h = 8% C = \$0.5 - Optimal order quantity: $EOQ = Q^* = \sqrt{\frac{2DS}{hC}}$ $= \sqrt{\frac{2 \times 300 \times 6 \times 4}{8\% \times 0.5}}$ $EOQ = 600$	1.0	
	- Total cost $TC = \frac{DS}{Q^*} + \frac{QhC}{2} + CD$ $TC = 924\$$	1.0	
	Time between order $T = EOQ / D = 600 / 1800 = 1/3 \text{ year}$	1.0	

	Q	Discount factor	Cost per product	EOQ	Decision	Q'	TC			
	0-1000	0%	0.5	600	Keep	600	924			
	1000+	40%	0.3	775	Giữ	1000	559.2			
	Choose order quantity as 1000 units									
Câu									3.0	
	Tóm tắt: D = 3000 products S = 260\$ H = 80\$ $\sum D = 796$ products - Optimal order quantity: $EOQ = \sqrt{\frac{2 * S * D}{H}}$ $EOQ = \sqrt{\frac{2 * 260 * 3000}{78}}$ $EOQ = 139.6 \approx 140 \text{ products}$ - Average demand: $\bar{D} = \frac{\sum D}{T_{\bar{D}}} = \frac{796}{10} = 79.6 \approx 80 \text{ products}$ - Cycle time: $T = \frac{EOQ}{\bar{D}} = \frac{140}{80} = 1.75 \approx 2 \text{ weeks}$									

Week		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Sum		
Gross Requirement		25	38	55	106	153	187	76	52	82	22	796		
Scheduled Receipts														
On hand inventory	63	63	38	0	106	0	187	0	52	0	22	468		
Net Requirement		0	0	55	0	153	0	76	0	82	0			
Planned order receipts				161		340		128		104				
Planned order release		161		340		128		104						
	Total ordering cost = 4 * 260 = 1040\$													
	Total carrying cost = 468 * 80 = 37440\$													
	Total inventory cost = Total ordering cost + Total carrying cost = 38480\$													

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2025

Giảng viên ra đề

Người duyệt đề



Nguyễn Viết Tịnh



Lê Hoàng Sơn